

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 105/2005/TT-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2005

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 137/2005/NĐ-CP ngày 09/11/2005 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản

Căn cứ Nghị định số 137/2005/NĐ-CP ngày 09/11/2005 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

- Đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là các khoáng sản quy định tại Điều 2 Nghị định số 137/2005/NĐ-CP ngày 09/11/2005 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản (sau đây gọi tắt là Nghị định 137/2005/NĐ-CP), bao gồm: đá, tràng thạch, sỏi, sét, thạch cao, cát, đất, than, nước khoáng thiên nhiên và sa khoáng titan (ilmenit).
- Đối tượng nộp phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là các tổ chức, cá nhân (trong nước và nước ngoài) khai thác các loại khoáng sản quy định tại điểm 1 mục này.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Cách tính và mức thu phí

- Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản phải nộp trong kỳ nộp phí được tính như sau:

$$\begin{array}{ccccc}
 \text{Phí bảo vệ môi trường} & = & \text{Số lượng từng loại} & \times & \text{Mức thu tương} \\
 \text{đối với khai thác khoáng} & & \text{khoáng sản khai} & & \text{ứng} \\
 \text{sản phải nộp trong kỳ} & & \text{thác} & & \text{(đồng/tấn hoặc m}^3\text{)} \\
 \text{(đồng)} & & \text{(tấn hoặc m}^3\text{)} & &
 \end{array}$$

b) Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản (theo quy định tại Điều 4 Nghị định 137/2005/NĐ-CP) được quy định bằng một số tiền nhất định trên một đơn vị sản phẩm khoáng sản tại nơi khai thác, như sau:

Số TT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
1	Đá:		
a)	Đá làm xi măng, khoáng chất công nghiệp, vật liệu xây dựng	m ³	2.000
b)	Đá ốp lát, làm mỹ nghệ (granit, gabro, đá hoa...)	m ³	50.000
2	Tràng thạch	m ³	20.000
3	Sỏi	m ³	4.000
4	Sét	Tấn	1.500
5	Thạch cao	Tấn	2.000
6	Cát:		
a)	Cát xây dựng (cát san lấp), cát vàng (cát xây tô)	m ³	2.000
b)	Cát thủy tinh	m ³	5.000
7	Đất:		
a)	Đất để san lấp	m ³	1.000
b)	Đất làm cao lanh	m ³	5.000
8	Than:		
a)	Than đá	Tấn	6.000
b)	Than bùn	Tấn	2.000
9	Nước khoáng thiên nhiên	m ³	2.000
10	Sa khoáng Titan (ilmenit)	Tấn	30.000

c) Số lượng khoáng sản khai thác để xác định số phí bảo vệ môi trường phải nộp là số lượng khoáng sản khai thác thực tế trong kỳ nộp phí, không phân biệt mục đích khai thác (để bán ngay, đem trao đổi, tiêu dùng nội bộ, dự trữ đưa vào sản xuất tiếp theo...) và công nghệ khai thác (thủ công, cơ giới) hoặc vùng, miền, điều kiện khai thác (vùng núi, trung du, đồng bằng, điều kiện khai thác khó khăn, phức tạp...).

d) Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản được thu bằng đồng Việt Nam. Trường hợp đối tượng nộp phí đề nghị nộp bằng ngoại tệ thì được thu bằng ngoại tệ trên cơ sở quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm thu phí.

2. Đăng ký, kê khai, thu, nộp phí

a) Đối tượng nộp phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản có nghĩa vụ:

- Đăng ký nộp phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản với cơ quan thuế trực tiếp quản lý theo mẫu quy định (mẫu 1 ban hành kèm theo Thông tư này) trong thời gian chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày được phép hoạt động khai thác khoáng sản. Trường hợp sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chuyển đổi sở hữu; giao, bán, khoán, cho thuê doanh nghiệp nhà nước hoặc có sự thay đổi trong hoạt động khai thác, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải khai báo với cơ quan thuế chậm nhất là 5 ngày làm việc, trước khi sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chuyển đổi sở hữu; giao, bán, khoán, cho thuê doanh nghiệp nhà nước hoặc có sự thay đổi trong hoạt động khai thác.

- Kê khai phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản hàng tháng theo mẫu quy định (mẫu 2 ban hành kèm theo Thông tư này) cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý trong 10 ngày đầu của tháng tiếp theo; trường hợp trong tháng không phát sinh phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vẫn phải kê khai và nộp tờ khai cho cơ quan thuế. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải kê khai đầy đủ, đúng mẫu tờ khai và chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc kê khai.